

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi

- Thư ký pH tòa: Bà Tường Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia pH tòa: Bà Nguyễn Thị KhuY - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH mở pH tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, về “*Tranh chấp Thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn pH tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Q, sinh năm 1948; Nơi ĐKKHKT: thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*.

Người đại diện theo ủy Quyền (đồng thời là người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan): Chị Tường Thị H, sinh năm 1975; HKTT: thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*.

Người bảo vệ Quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T1 – là Luật sư thuộc Công ty Luật BHL – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1973; Nơi ĐKKHKT: thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, Thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt)*.

*** Những người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Tường Thị H, sinh năm 1975; *(Có mặt)*.

- Chị Đặng Thị S, sinh năm 1974; *(Có mặt)*.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1998; *(Vắng mặt)*.

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 2006; (*Vắng mặt*).
- Anh Nguyễn TA, sinh năm 1999; (*Vắng mặt*).
- Anh Nguyễn Gia D, sinh năm 2001; (*Có mặt*).

Đều HKTT: thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1984; Nơi ĐKHKT: thôn Dương Khê, xã Phương Tú, huyện UH, thành phố Hà Nội; (*Có mặt*).
- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964; Nơi ĐKHKT: thôn YH, xã CD, KB, ĐL; Nơi ở hiện tại: nhà số 3, ngách 41/48 ĐT, phường KL, quận DD, thành phố Hà Nội. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, văn bản ghi ý kiến, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - bà Lê Thị Q do chị Tường Thị H là người đại diện theo ủy Quyền trình bày:

Về mối quan hệ: chị là con dâu bà Lê Thị Q – nguyên đơn, chị xin khai với tư cách người đại diện theo ủy Quyền của nguyên đơn, đồng thời là người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bố chồng chị là ông Nguyễn Gia Bích, chết năm 2011. Bà Q và ông Bích có đăng ký kết hôn với nhau vào khoảng năm 1972, nhưng do thời gian đã lâu nên giấy đăng ký kết hôn bị mất, nhưng quan hệ vợ chồng của bà Q với ông Bích đã được UBND thị trấn VĐ xác nhận thông qua giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 139/UBND-XNTTHN ngày 13/7/2023. Bà Q và ông Bích có 04 người con:

- Con gái lớn – Nguyễn Thị O, sinh năm 1973, là bị đơn; hiện đang ở xóm Hồng Thái, thôn HX, TT. VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

- Con trai – Nguyễn Gia Vinh (chồng chị), chết năm 2009. Vợ chồng chị có 02 người con: Nguyễn TA, sinh năm 1999 và Nguyễn Gia D, sinh năm 2001. Cả hai con đều đang ở với chị và bà Q tại nhà ở Hồng Thanh, HX, VĐ, UH, Hà Nội.

- Con trai – Nguyễn Gia Hiển, chết năm 2013. Anh Hiển có vợ là Đặng Thị S, sinh năm 1974; chị S và anh Hiển có 02 người con Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị H2, sinh năm 2006. Chị S và 02 con gái đều đang ở Hồng Thanh, HX, VĐ, UH, Hà Nội.

- Con gái – Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1984, hiện đang ở thôn Dương Khê, xã Phương Tú, huyện UH, TP. Hà Nội.

Bà Q là vợ hai của ông Bích. Ông Bích có vợ cả là bà Quýt (họ tên đầy đủ chị không biết), đã chết năm bao nhiêu chị không biết, chỉ biết chết sau ông Bích. Ông

Bích và bà Quýt có 01 người con trai tên Nguyễn Văn Q, hiện đang ở phường KL, quận DD, thành phố Hà Nội, địa chỉ cụ thể, số điện thoại chị không biết. Bà O là người biết rõ thông tin, đề nghị Tòa lấy lời khai của bà O. Ngoài ra, ông Bích không còn người con nào khác.

Bố mẹ đẻ ông Bích là cụ Nguyễn Gia Tắc, chết năm 1995 và cụ Trần Thị Phú, chết năm 1953. Ngoài ra, ông Bích không có bố mẹ nuôi nào khác.

Ông Bích chết không để lại di chúc. Di sản ông Bích để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 340, tờ bản đồ 12, diện tích 300m² đất ở lâu dài tọa lạc ở xóm Hồng Thanh, thôn HX, TT. VĐ, huyện UH, TP. Hà Nội, do UBND huyện UH cấp cho ông Nguyễn Gia Bích ngày 20/88/1992, theo GCNQSDĐ số A935373, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01315.QSDĐ/UH.

Nguồn gốc thửa đất số 340 nêu trên là tài sản chung của ông Bích và bà Q mua lại của ông Thành ở xóm Hồng Thanh, thôn HX, TT. VĐ, huyện UH, TP. Hà Nội.

Trên đất, hiện nay có xây Dng 02 ngôi nhà: 01 ngôi nhà 01 tầng 01 tum hiện do mẹ con chị cùng bà Q sinh sống, quản lý và sử dụng; 01 ngôi nhà 01 tầng lợp proximăng hiện do vợ con anh Hiên sinh sống, quản lý và sử dụng.

Ngôi nhà 01 tầng 01 tum là do vợ chồng ông Bích bà Q xây Dng từ năm 1993, từ khi lấy chồng chị là anh Vinh thì vợ chồng chị ở cùng ông Bích bà Q cho đến nay, đến khoảng năm 2018 - 2019 do nhà bị xuống cấp, dột nát nên chị bỏ tiền ra cải tạo, nâng thêm 01 tum và đổ trần H nên có hiện trạng như hiện nay.

Ngôi nhà 01 tầng lợp proximăng hiện do vợ con anh Hiên quản lý là do Nhà nước bỏ tiền ra xây Dng cho gia đình chính sách – hộ nghèo (gia đình Hiên – S) khoảng năm 2016. Trong đó, chị S có tự bỏ một chút tiền ra để cùng xây Dng căn nhà với nhà nước.

Hiện nay, gia đình chị và gia đình chị S – Hiên không còn là hộ nghèo nữa, còn bà Q là hộ cận nghèo.

Khoảng năm 2014, bà Q có gọi các con về họp gia đình, lập biên bản thỏa thuận để thống nhất một mình bà Q đứng tên toàn bộ diện tích nhà đất tại thửa 340 nêu trên, rồi sau này khi bà Q chết đi thì sẽ để lại cho con cháu sau nhưng chị O và anh Q không đồng ý và cương Qết không ký vào biên bản.

Do đó, để bảo vệ Quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà Q phải gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu:

1. Xác định phần sở hữu riêng của bà Q trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Bích là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 340 nêu trên;
2. Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Gia

Bích để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 340 nêu trên.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị H đã nộp cho Tòa án, chị xin chịu phần chi phí đó và không có ý kiến hay đề nghị gì khác.

Theo nội dung Biên bản lấy lời khai và văn bản trình bày ý kiến có trong hồ sơ vụ án, Bị đơn – Nguyễn Thị O trình bày: Bố chị là Nguyễn Gia Bích, sinh năm 1938, có xây Dng gia đình, lấy 02 vợ. Vợ cả là bà Quýt, sinh ra anh cả là Nguyễn Gia Q, sinh năm 1964. Lúc bé, anh Q bị mẹ bỏ, bố chị vừa đi bộ đội vừa mang theo. Sau khi bố chị lấy mẹ chị là bà Q (nguyên đơn trong vụ án), sinh ra 4 người con: chị – Nguyễn Thị O, sinh năm 1973; Nguyễn Gia Vinh, sinh năm 1975; Nguyễn Gia Hiền, sinh năm 1977 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1984. Bố chị khi còn sống sinh ra 05 người con nêu trên. Khi lớn lên, anh Q lấy vợ thì vẫn đi lại với bố chị và 4 chị em chị. Bố chị chết, anh Q không về được nhưng cũng gửi tiền về hương khói cho bố chị. Vậy mà, mẹ đẻ chị là bà Lê Thị Q lại bảo anh Q không có Quyền ở chỗ đất đó. Chị mong sao quý Tòa làm theo đúng luật. Sở đồ đất đứng tên bố chị. Chị yêu cầu Tòa án hủy bỏ đơn của bà Q, bao giờ gia đình chị yêu cầu và đến thì mời sau, khi nào mẹ chị chết đi sẽ chia đất thành 5 phần.

Tại các biên bản lấy lời khai, văn bản ghi ý kiến cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Tường Thị H, chị Đặng Thị S, chị Nguyễn Thị Hồng Y (anh Nguyễn TA và anh Nguyễn Gia D đều ủy Quyền cho chị Tường Thị H; chị Nguyễn Thị Thanh H1 và Nguyễn Thị H2 đều ủy Quyền cho chị Đặng Thị S) đều trình bày: hoàn toàn nhất trí với lời khai của nguyên đơn – bà Q do chị H là đại diện theo ủy Quyền như đã khai ở trên.

Quan điểm của chị H, chị S, anh TA, anh D, chị H1 và chị H2 đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Q – nguyên đơn.

Tại công văn trả lời về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 15/4/2024 của UBND thị trấn VĐ và ngày 14/5/2024 của UBND xã Liên Bạt thể hiện:

Ông Nguyễn Gia Bích, sinh năm 1938 có vợ là bà Lê Thị Q, sinh năm 1948. Ông Bích và bà Q có 04 người con: Nguyễn Thị O, sinh năm 1973; Nguyễn Văn Vinh, sinh năm 1976, Nguyễn Văn Hiền, sinh năm 1978 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1984.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1991: thửa đất số 340, tờ bản đồ 12, diện tích 300m², loại ruộng đất ở + vườn, tên người sử dụng ruộng đất Nguyễn Gia Bích.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2014 thể hiện: thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43, diện tích 326,9m², người sử dụng là bà Lê Thị Q.

Nguồn gốc sử dụng đất: thửa đất nêu trên thuộc khu dân cư thôn HX, thị trấn VĐ

(trước đây là thôn HX, xã Liên Bạt) có nguồn gốc ban đầu là đất không có giấy tờ về Quyền sử dụng đất, không vi phạm pháp luật đất đai, sử dụng ổn định trước ngày 18/12/1980. Ngày 20/8/1992, UBND huyện UH cấp GCNQSDĐ số A 935373 tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 12, diện tích 300m² cho chủ sử dụng đất ông Nguyễn Gia Bích.

Hiện trạng sử dụng đất: theo nội dung bà Lê Thị Q cung cấp: trên đất có công trình nhà cấp 4 và công trình phụ trợ kèm theo do vợ chồng ông Nguyễn Gia Bích và bà Lê Thị Q xây Dng từ năm 1993. Đến năm 2018-2019 bà Q cùng con dâu là Tường Thị H tiến hành cải tạo, sửa chữa; công trình nhà cấp 4 mái lợp proximãng hiện do hộ bà Đặng Thị S (con dâu bà Q) đang sử dụng có nguồn gốc do Nhà nước hỗ trợ xây Dng dành cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo (hoàn cảnh khó khăn), thời điểm xây Dng năm 2013.

Kết quả xem xét, thẩm định ngày 10/5/2024 thể hiện: thửa đất 340 nêu trên, có diện tích đo đạc theo hiện trạng sử dụng thực tế là 318,6m². Về phía Bắc thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, có 3 gian, 2 trái, được xây Dng, cải tạo năm 2018-2019, hiện do bà Lê Thị Q cùng 03 mẹ con chị Tường Thị H quản lý, sử dụng và sinh sống. Về phía Tây của thửa đất là công trình phụ gồm bếp, WC và bể nước là nhà cấp 4 lợp proximang, xây Dng năm 1997, hiện do bà Lê Thị Q cùng 03 mẹ con chị Tường Thị H quản lý, sử dụng. Về phía Nam thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, hình ống, lợp mái proximang, xây Dng năm 2013. Hiện do mẹ con chị Đặng Thị S quản lý, sử dụng và sinh sống. Ở giữa thửa đất là sân lát gạch đá hoa Trung quốc, và vườn trồng một số cây ăn quả như ổi, bưởi. Theo gia đình bà Q và chính Quyền địa phương cung cấp, trên nhà đất này có các thành viên đang sinh sống trực tiếp, có đăng ký thường trú/tạm trú gồm: bà Lê Thị Q, chị Tường Thị H, chị Đặng Thị S, anh Nguyễn Gia D, anh Nguyễn TA, chị Nguyễn Thị Thanh H1, chị Nguyễn Thị H2. Ngoài ra, không còn ai khác. Liên quan đến diện tích thửa đất qua các thời kỳ có sự chênh lệch nhau, và so với đo đạc hiện trạng tại buổi thẩm định tại chỗ đều là do kỹ thuật công tác đo đạc chứ thửa đất này không có biến động diện tích do mua bán, tặng cho hay lấn chiếm đất công, đất các hộ giáp ranh liền kề,... Theo sổ sách lưu trữ hiện nay tại chính Quyền địa phương thể hiện thửa đất không có tranh chấp nào khác ngoài tranh chấp trong vụ án này.

Biên bản định giá tài sản ngày 10/5/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự huyện UH xác định:

- Giá trị đất thuộc thửa 340 nêu trên là: $318,6\text{m}^2 \times 16.000.000 \text{ đ/m}^2 = 5.097.600.000 \text{ đồng}$;

- Công trình xây Dng cùng tài sản gắn liền trên đất là: 181.629.000đồng.

Tổng cộng là: 5.279.229.000đồng (đã làm tròn số).

*** Tại pH tòa:**

Thông qua người đại diện theo ủy Quyền, người bảo vệ Quyền và lợi ích hợp pháp, nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các ý kiến đã trình bày tại tòa có trong hồ sơ vụ án, về phần tài sản riêng của nguyên đơn nằm trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Bích là Quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 340 cộng với kỷ phần thừa kế bà được hưởng của ông Bích theo Q định pháp luật, bà tặng cho lại 30,15m2 cho ba mẹ con chị S để kết hợp với kỷ phần ba mẹ con chị S được thừa kế chuyển tiếp từ anh Hiên cho đủ diện tích mà chị S đã xây nhà ở trên đó; tặng cho lại 23,45m2 cho con gái Nguyễn Thị Hồng Y; toàn bộ phần còn lại bà tặng cho lại ba mẹ con chị H. Ba mẹ con chị H và ba mẹ con chị S đều có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, phụng dưỡng bà lúc tuổi già. Việc lo đám tang, ngày giỗ, tết của ông, bà sau này do ba mẹ con chị H đảm nhiệm. Bà không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác.

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tường Thị H, chị Đặng Thị S (anh Nguyễn TA, anh Nguyễn Gia D đều ủy Quyền cho chị H; chị Nguyễn Thị Thanh H1 và Nguyễn Thị H2 đều ủy Quyền cho chị S) và chị Nguyễn Thị Hồng Y đều trình bày: giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa có trong hồ sơ vụ án, không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Đồng thời cùng với Nguyên đơn đều có quan điểm đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật và được chia phần có công trình xây Dng để lấy chỗ ở cho gia đình bà Q, chị H và chị S; chị Y nhận phần đất trống. Kỷ phần thừa kế của anh TA và anh D được hưởng sẽ để mẹ là Tường Thị H đồng sở hữu, sử dụng. Kỷ phần thừa kế của 3 mẹ con chị S sẽ gộp chung vào để 3 mẹ con đồng sở hữu. Mọi người đều nhất trí nhận phần diện tích đất bà Q tặng cho theo ý nguyện của bà Q nêu trên và đều không có ý kiến gì khác.

Ngoài ra, chị H khai bổ sung: liên quan đến công sức, tiền của chị bỏ ra để cải tạo, sửa chữa ngôi nhà hiện nay mẹ con chị đang sinh sống cùng bà Q trên đó vào năm 2018-2019, chị không yêu cầu Tòa án giải Quyết, sẽ gộp vào phần di sản của 02 con chị được hưởng trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Văn Q đều vắng mặt không có lý do.

* Người bảo vệ Quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn trình bày luận điểm bảo vệ:

- *Xác định tài riêng bà Q trong khối tài sản chung vợ chồng:*

Thửa đất ở số 340, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ xóm Hồng Thanh, thôn HX, thị

trần VĐ, huyện UH, Hà Nội được Ủy ban nhân dân huyện UH cấp GCNQSDĐ ngày 20/08/1992. Diện tích theo GCNQSDĐ là 300m², còn diện tích theo xem xét, thẩm định của Tòa án là 318,6m² và được định giá là 5.097.600.000 đồng.

Bà Q và ông Bích kết hôn và chung sống với nhau từ khoảng năm 1972 cho đến khi ông Bích qua đời năm 2011 tại xóm Hồng Thanh, thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, Hà Nội. Ủy ban nhân dân thị trấn VĐ cũng đã xác nhận ông Bích và bà Q là vợ chồng qua Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 139/UBND-XNTTHN ngày 13/7/2023 (BL 08). Tại Văn bản số 03/UBND-TP ngày 14/05/2024 của UBND xã Liên Bạt (BL 114) cũng cung cấp thông tin kiểm tra sổ đăng ký hộ tịch hộ khẩu năm 1992 có ghi ông Nguyễn Gia Bích là chủ hộ và bà Lê Thị Q có quan hệ với chủ hộ là vợ.

Mặt khác, theo lời khai của ông Đỗ Đăng Thành là người sử dụng trước của thửa đất 340 cũng đã xác nhận việc bán thửa đất cho vợ chồng ông Bích, bà Q theo Vi bằng số 0018.2024/VB-TPLTN ngày 25/01/2024 của VP TPL Tín Nghĩa.

Như vậy, thời điểm hình thành khối tài sản là thửa đất ở số 340, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ xóm Hồng Thanh, thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, Hà Nội được Ủy ban nhân dân huyện UH cấp GCNQSDĐ ngày 20/08/1992 thì ông Bích cùng bà Q là vợ chồng hợp pháp, đã kết hôn và chung sống với nhau, được chính Quyền địa phương và hàng xóm láng giềng, họ hàng công nhận. Chỉ có duy nhất bà Q là vợ hợp pháp của ông Bích từ thời điểm này cho đến khi ông Bích qua đời, không có người vợ nào khác.

Vì vậy, căn cứ theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng ông Bích, bà Q. Vì vậy, bà Q được sở hữu $\frac{1}{2}$ (*Một phần hai*) diện tích của thửa đất ở số 340, tờ bản đồ số 12.

- Phân chia di sản thừa kế của ông Bích:

Di sản của ông Bích: Căn cứ theo khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình thì di sản của ông Bích là $\frac{1}{2}$ (*Một phần hai*) diện tích của thửa đất ở số 340, tờ bản đồ số 12.

Về những người thừa kế được hưởng di sản của ông Nguyễn Gia Bích:

Vợ chồng ông Bích, bà Q có 04 người con chung là Nguyễn Gia Vinh, Nguyễn Gia Hiên, Nguyễn Thị O và Nguyễn Thị Hồng Y.

Theo đó, ông Bích qua đời năm 2011, con trai trưởng Nguyễn Gia Vinh qua đời trước ông Bích vào ngày 07/08/2009 nên căn cứ theo Điều 652 Bộ Luật Dân sự năm 2015 thì 02 con trai của anh Vinh là cháu Nguyễn TA (SN 1999) và Nguyễn Gia D (SN 2001) được thừa kế thế vị của anh Nguyễn Gia Vinh, được hưởng di

sản của ông nội Nguyễn Gia Bích để lại.

Con trai thứ hai của ông Bích là anh Nguyễn Gia Hiền qua đời sau ông Bích vào ngày 30/08/2013, anh Hiền có vợ là Đặng Thị S và 02 con gái là Nguyễn Thị Thanh H1 (SN 1998), Nguyễn Thị H2 (SN 2006).

Ngoài ra, theo xác minh của Tòa án thì ông Bích còn 01 người con riêng là anh Nguyễn Văn Q (SN 1964) đang cư trú tại thành phố Hà Nội.

Vì vậy, căn cứ theo Điều 651 Bộ Luật Dân sự năm 2015 thì những người thừa kế được hưởng di sản của ông Bích sẽ bao gồm 09 người là: Bà Lê Thị Q; chị Nguyễn Thị O; chị Nguyễn Thị Hồng Y; cháu Nguyễn TA, cháu Nguyễn Gia D; chị Đặng Thị S, cháu Nguyễn Thị Thanh H1, cháu Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Văn Q.

Phân chia di sản thừa kế:

Từ khi kết hôn, tạo lập tài sản thì 02 vợ chồng ông Bích, bà Q chung sống hòa thuận, vợ chồng chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây Dng nhà cửa trên đất. Hiện nay, bà Q vẫn đang sinh sống trên thừa đất, là người quản lý tài sản.

Như vậy, khi phân chia di sản thừa kế của ông Bích thì căn cứ theo những người thừa kế tôi đã nêu trước đó thì sẽ chia di sản của ông Bích làm 06 phần bằng nhau. Theo đó, bà Q sẽ được hưởng 01 phần di sản trong 06 phần này còn các con cháu sẽ hưởng 05 phần còn lại.

Từ các căn cứ, lý lẽ, lập luận nêu trên kính đề nghị HĐXX xem xét, giải Quyết theo hướng chấp thuận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q, công nhận Quyền sử dụng/sở hữu riêng trong khối tài sản chung vợ chồng là 1/2 phần diện tích thừa đất ở số 340, tờ bản đồ số 12 theo GCNQSDĐ do UBND huyện UH cấp ngày 20/08/1992 và được phân chia di sản thừa kế của ông Bích theo đúng Q định pháp luật.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia pH tòa kết luận:* Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện UH thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng là đúng pháp luật. Người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ Quyền và nghĩa vụ theo Q định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Toà án áp dụng các Q định của pháp luật tuyên: xác định Quyền sử dụng đối với 1/2 diện tích thừa đất 340 nêu trên (159,3m²) thuộc sở hữu riêng của bà Q trong khối tài sản chung với ông Bích; chia di sản thừa kế của ông Bích để lại là Quyền sử dụng đối với 1/2 diện tích thừa đất 340 nêu trên (159,3m²) cho hàng thừa kế của ông Bích theo Q định pháp luật về thừa kế; ghi nhận việc tặng cho đất cho các con, cháu của bà Q như đã trình bày tại pH tòa; các đương sự phải nộp án phí theo Q định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình lấy lời khai của các đương sự, tiến hành hòa giải giữa các bên, thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ, người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Văn Q có thái độ không thiện chí, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải Quyết vụ án như: khi đoàn công tác gồm Thẩm phán và Thư ký Tòa án kết hợp cùng chính Quyền địa phương đến trực tiếp nhà bà O làm việc thì bà O cùng chồng có những lời lẽ xúc phạm đoàn công tác, không tôn trọng, không hợp tác, từ chối khai báo, từ chối làm việc, chỉ nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cương Quyết từ chối kí biên bản giao nhận, mặc dù đã được nghe giải thích và hiểu rõ về Quyền và nghĩa vụ của mình. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án cùng giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, bà O và ông Q đều không chấp hành, không đến Tòa án làm việc, không gửi bản tự khai, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì. Mãi đến ngày 07/5/2024 bà O mới gửi một bản trình bày viết tay gửi cho Tòa án có nội dung như Tòa đã nêu trên.

Đối với việc tranh chấp trên là bà Lê Thị Q yêu cầu xác định phần tài sản riêng của bà nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng bà, đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế theo Q định pháp luật đối với phần di sản thừa kế của chồng bà để lại, căn cứ khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013, vụ án thuộc thẩm Qền giải Quyết của Tòa án nhân dân huyện □ng Hòa.

PH tòa được mở lần thứ hai, các đương sự đều đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, căn cứ Q định tại các Điều 227, 228 và 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng Q định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế: nguyên đơn - bà Lê Thị Q khởi kiện yêu cầu xác định phần sở hữu riêng của bà Q trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Bích là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 340 nêu trên; đồng thời yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Gia Bích để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 340 nêu trên. Theo kết quả xác minh tại chính Quyền địa phương cùng sự thừa nhận của các đương sự, ông Bích là chồng hợp pháp của bà Q. Ông Bích chết năm 2011, ngày 17/10/2023 bà Q làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án. Do đó, căn cứ

theo Q định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 việc khởi kiện của nguyên đơn là còn thời hiệu.

[2.1] *Về mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế:* qua kết quả cung cấp thông tin của UBND thị trấn VĐ và UBND xã Liên Bạt, tài liệu do các đương sự cung cấp cùng với sự thừa nhận của các đương sự trong vụ án, HĐXX có căn cứ xác định:

Ông Nguyễn Gia Bích, chết năm 2011; Ông Bích có 02 vợ: bà Quýt (chết trước ông Bích) và bà Lê Thị Q (là vợ hợp pháp theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 139/UBND-XNTTHN ngày 13/7/2023 của UBND thị trấn VĐ).

Ông Bích và bà Quýt có 01 con là anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964 (tên gọi khác là Nguyễn Gia Q). Nơi ĐKKHKT: thôn YH, xã CD, KB, ĐL; Nơi ở hiện tại: nhà số 3, ngách 41/48 ĐT, phường KL, quận DD, thành phố Hà Nội.

Ông Bích và bà Q có 04 con: Nguyễn Thị O, sinh năm 1973; Nguyễn Gia Vinh, chết năm 2009, Nguyễn Gia Hiền, chết năm 2013 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1984.

Anh Nguyễn Gia Vinh có vợ là chị Tường Thị H. Anh Vinh và chị H có 02 người con: Nguyễn TA, sinh năm 1999 và Nguyễn Gia D, sinh năm 2001. Anh Hiền có vợ là Đặng Thị S. Chị S và anh Hiền có 02 người con Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị H2, sinh năm 2006.

Ngoài 5 người con có tên nêu trên, ông Bích không còn con đẻ, con nuôi, con ngoài dã thú hay bố mẹ nuôi nào khác. Bố mẹ đẻ ông Bích đều đã chết từ lâu, đều chết trước ông Bích. Ông Bích chết đi không để lại di chúc.

Do anh Nguyễn Gia Vinh chết trước ông Bích và anh Nguyễn Gia Hiền chết sau ông Bích nên phát sinh thừa kế thế vị và thừa kế chuyển tiếp, theo đó: 03 mẹ con chị S là thừa kế chuyển tiếp của anh Hiền đối với phần di sản của ông Bích; Anh TA và anh D là thừa kế thế vị của anh Vinh đối với phần di sản của ông Bích.

[2.2] *Về nguồn gốc, diện tích đất tranh chấp và di sản thừa kế:* bà Q khởi kiện yêu cầu xác định phần sở hữu riêng của bà Q trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Bích là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 340 nêu trên; đồng thời yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Gia Bích để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 340 nêu trên.

Theo kết quả cung cấp thông tin và tài liệu của UBND thị trấn VĐ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng sự thừa nhận của các đương sự: Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1991 là thửa đất số 340, tờ bản đồ 12, diện tích 300m², loại ruộng đất ở + vườn, tên người sử dụng ruộng đất Nguyễn Gia Bích. Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2014 thể hiện: thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43, diện tích 326,9m², người sử dụng là bà Lê

Thị Q. Theo đo đạc thực tế tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thừa đất có diện tích là 318,6m²; bà Q, ba mẹ con chị H, ba mẹ con chị S và chị Y đều nhất trí với diện tích đo đạc hiện trạng thực tế này, ông Q và bà O đều vắng mặt, không có ý kiến gì. Việc diện tích thừa đất có thay đổi từ bản đồ 1991 với 2014 và đo đạc hiện trạng là do kỹ thuật công tác đo đạc của các thời kỳ, chứ thừa đất 340 nêu trên không có biến động diện tích do mua bán, tặng cho hay lấn chiếm đất công, lấn chiếm các hộ liền kề,... Thừa đất không có tranh chấp với các hộ giáp ranh và cũng không có tranh chấp nào khác ngoài tranh chấp trong vụ án này.

Ông Bích và bà Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp từ năm 1972, mặc dù ban đầu thừa đất có nguồn gốc là đất không có giấy tờ về Quyền sử dụng đất, không vi phạm pháp luật đất đai, gia đình ông Bích bà Q sử dụng ổn định trước ngày 18/12/1980 nên đến ngày 20/8/1992 được UBND huyện UH cấp GCNQSDĐ số A 935373 tại thừa đất số 340, tờ bản đồ số 12, diện tích 300m² cho chủ sử dụng đất ông Nguyễn Gia Bích. Mặt khác, theo phía bà Q có cung cấp cho Tòa án 01 vi bằng số 0018.2024/VB-TPLTN ngày 25/01/2024 thể hiện nội dung thừa đất có nguồn gốc do vợ chồng ông Bích bà Q mua lại của ông Đỗ Đăng Thành.

Do đó, HĐXX có đủ căn cứ xác định thừa đất 340 nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Gia Bích, bà Lê Thị Q. Trong đó, phần sở hữu của mỗi người trong thừa đất này là bằng nhau, cụ thể phần sở hữu riêng của bà Q = phần sở hữu riêng của ông Bích = $\frac{1}{2}$ diện tích thừa đất 340 nêu trên (đo đạc hiện trạng là 318,6m²) = 159,3m².

Ông Bích chết đi không để lại di chúc. HĐXX có đủ căn cứ xác định di sản thừa kế của ông Bích để lại là toàn bộ Quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thừa đất số 340, tờ bản đồ số 12, diện tích 300m² (đo đạc hiện trạng là 318,6m²), theo GCNQSDĐ số seri A 935373 do UBND huyện UH cấp ngày 20/8/1992 cho ông Nguyễn Gia Bích. Năm 1993, vợ chồng ông Bích bà Q có xây Dng 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói, đến năm 2016 do nhà bị hỏng, dột nát, xuống cấp nên mẹ con chị H cùng bà Q bỏ tiền ra tôn tạo, sửa sang, xây Dng lại nên về giá trị ngôi nhà ông Bích và Q xây Dng từ năm 1993 đến nay còn lại rất thấp (đã hết khấu hao) và cũng không thể xác định được, Hội đồng xét xử không đặt ra giải Quyết.

Vậy di sản thừa kế của ông Bích để lại và được xem xét chia trong vụ án này là: toàn bộ Quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thừa đất số 340, tờ bản đồ số 12, diện tích 300m² (đo đạc hiện trạng là 318,6m²), theo GCNQSDĐ số seri A 935373 do UBND huyện UH cấp ngày 20/8/1992 cho ông Nguyễn Gia Bích (cụ thể là 159,3m²).

Hiện trạng thừa đất 340: diện tích đất đo vẽ theo hiện trạng thực tế tại biên bản

định giá tài sản là 318,6m². Về phía Bắc thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, có 3 gian, 2 trái, được xây Dng, cải tạo năm 2018-2019, hiện do bà Lê Thị Q cùng 03 mẹ con chị Tường Thị H quản lý, sử dụng và sinh sống. Về phía Tây của thửa đất là công trình phụ gồm bếp, WC và bể nước là nhà cấp 4 lợp proximang, xây Dng năm 1997, hiện do bà Lê Thị Q cùng 03 mẹ con chị Tường Thị H quản lý, sử dụng. Về phía Nam thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, hình ống, lợp mái proximang, xây Dng năm 2013. Hiện do mẹ con chị Đặng Thị S quản lý, sử dụng và sinh sống. Ở giữa thửa đất là sân lát gạch đá hoa Trung quốc, và vườn trồng một số cây ăn quả như ổi, bưởi.

[2.3] *Về công sức chăm sóc, phụng dưỡng ông Bích:* Các đương sự đều không có yêu cầu gì đối với việc này nên HĐXX không đặt ra giải Quyết.

[2.4] *Về công sức tôn tạo, quản lý di sản thừa kế:* Ông Q, bà O và chị Y lớn lên đi thoát ly, xây Dng gia đình, không sinh sống trên di sản thừa kế. Gia đình chị H và gia đình chị S cùng vợ chồng ông Bích bà Q cùng sinh sống trên di sản thừa kế này từ xưa cho đến nay. Sau khi ông Bích chết đi, mẹ con chị H cùng bà Q bỏ tiền và công sức ra để xây Dng, tôn tạo, sửa sang lại ngôi nhà ở như hiện nay. Chị S góp thêm tiền cùng Nhà nước xây Dng ngôi nhà chính sách cho gia đình hộ nghèo như hiện nay. Tuy nH, các đương sự đều không có ý kiến về công sức tôn tạo, quản lý, trông nom di sản thừa kế này. Chị H có quan điểm liên quan đến công sức, tiền của chị bỏ ra cùng bà Q xây Dng, tôn tạo nhà cửa cùng các công trình trên đất như hiện nay chị không yêu cầu Tòa giải Quyết mà chị sẽ gộp luôn vào phần di sản thừa kế hai con chị và bà Q được hưởng cùng phần tài sản riêng của bà Q trong vụ án này. Các đương sự (trừ anh Q và chị O) đều có quan điểm đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật và được chia phần có công trình xây Dng để lấy chỗ ở.

[2.5] *Về giá trị di sản thừa kế:* Năm 1993, vợ chồng ông Bích bà Q có xây Dng 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói, đến năm 2016 do nhà bị hỏng, dột nát, xuống cấp nên mẹ con chị H cùng bà Q bỏ tiền ra tôn tạo, sửa sang, xây Dng lại nên về giá trị ngôi nhà ông Bích và Q xây Dng từ năm 1993 đến nay còn lại rất thấp (đã hết khấu hao) và cũng không thể xác định được, nên HĐXX không xem xét đến giá trị ngôi nhà cũ này. Các ngôi nhà, công trình xây Dng khác đều do bà Q, mẹ con chị H cùng gia đình chị S xây Dng, nên không thuộc di sản thừa kế của ông Bích. Đối với các cây cối trong vườn, bà Q, ba mẹ con chị H, ba mẹ con chị S cùng chị Y đều có quan điểm không đề nghị Tòa án giải Quyết, nếu các cây đó được chia nằm trong kỷ phần thừa kế của ai thì người đó được hưởng, không yêu cầu ai phải thanh toán lại giá trị. Do đó, HĐXX chỉ xem xét đến giá trị đất.

Quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 340 nêu trên thuộc di sản thừa kế có giá trị:

$318,6 \text{ m}^2/2 \times 16.000.000 \text{ đ/m}^2 = 2.548.800.000 \text{ đồng}.$

[2.6] *Về kỹ phần được hưởng:* Như đã phân tích ở mục [2.1], HĐXX xác định: hàng thừa kế thứ nhất đối với phần di sản của ông Bích để lại gồm có 06 người: bà Q, anh Q, chị O, anh Hiền, anh Vinh và chị Y.

Kỹ phần thừa kế của anh Vinh được hưởng từ di sản thừa kế của ông Bích được chia đều cho 02 người con của anh là Nguyễn TA và Nguyễn Gia D; kỹ phần thừa kế của anh Hiền được hưởng từ di sản thừa kế của ông Bích được chia đều cho 03 mẹ con chị S.

Diện tích đất là di sản thừa kế của ông Bích để lại nằm trong khối tài sản chung vợ chồng ông Bích bà Q là Quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 340 nêu trên (đo đạc hiện trạng là $318,6\text{m}^2$) là $159,3\text{m}^2$.

01 Kỹ phần di sản thừa kế của ông Bích là: $(159,3\text{m}^2 : 6) = 26,55\text{m}^2$.

Như vậy, các đồng thừa kế được hưởng di sản của ông Bích như sau:

Bà Lê Thị Q = anh Nguyễn Văn Q = chị Nguyễn Thị O = chị Nguyễn Thị Hồng Y = $26,55\text{m}^2$;

Anh Nguyễn Gia Vinh: $26,55\text{m}^2$ (được chia đều cho 02 người: anh Nguyễn TA = anh Nguyễn Gia D = $13,275\text{m}^2$);

Anh Nguyễn Gia Hiền: $26,55\text{m}^2$ (được chia đều cho 03 người: chị S = chị H1 = chị H2 = $8,85\text{m}^2$).

[2.7] *Về phương pháp chia:* Tại pH tòa, nguyên đơn thông qua người đại diện theo ủy Quyền có quan điểm: về phần tài sản riêng của bà nằm trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Bích là Quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 340 (là $159,3\text{m}^2$) cộng với kỹ phần thừa kế bà được hưởng của ông Bích theo Q định pháp luật (là $26,55\text{m}^2$) bà tặng cho lại $30,15\text{m}^2$ cho ba mẹ con chị S để kết hợp với kỹ phần ba mẹ con chị S được thừa kế chuyển tiếp từ anh Hiền cho đủ diện tích mà chị S đã xây nhà ở trên đó; tặng cho lại $23,45\text{m}^2$ cho con gái Nguyễn Thị Hồng Y; toàn bộ phần còn lại bà tặng cho lại ba mẹ con chị H. Ba mẹ con chị H và ba mẹ con chị S đều có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, phụng dưỡng bà lúc tuổi già. Việc lo đám tang, ngày giỗ, tết của ông, bà sau này do ba mẹ con chị H đảm nhiệm. Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tường Thị H, chị Đặng Thị S (anh Nguyễn TA, anh Nguyễn Gia D đều ủy Quyền cho chị H; chị Nguyễn Thị Thanh H1 và Nguyễn Thị H2 đều ủy Quyền cho chị S) và chị Nguyễn Thị Hồng Y đều trình bày giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa có trong hồ sơ vụ án, không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Đồng thời cùng với Nguyên đơn đều có quan điểm đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật và được chia phần có công trình xây Dng để lấy chỗ

ở, vì hoàn cảnh gia đình vô cùng khó khăn. Ký phần thừa kế của anh TA và anh D được hưởng sẽ để mẹ là Tường Thị H đồng sở hữu, sử dụng. Ký phần thừa kế của 3 mẹ con chị S sẽ gộp chung vào để 3 mẹ con đồng sở hữu.

Xét, sự tự nguyện này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

Mặt khác, ký phần thừa kế của anh Q và chị O được hưởng có diện tích quá nhỏ, nếu chia theo hiện vật không đảm bảo diện tích tối thiểu cấp GCNQSDĐ theo Q định của pháp luật, đồng thời cũng không đảm bảo kết cấu kiến trúc khi xây Dng công trình; hơn nữa, anh Q đã có nhà ở ổn định ở nội thành Hà Nội và ĐL, đã từ lâu anh Q cũng không trở về nhà đất này, ngay cả đám tang của ông Bích anh Q cũng không về chịu tang mà chỉ gửi tiền lễ về theo lời trình bày của chị O. Chị O hiện cũng đã có nhà cửa ổn định. Do đó, ký phần thừa kế chị O được hưởng là 26,55m² được chia cho chị Y 10m², chia đều cho ba mẹ con chị S 16,55m²; ký phần thừa kế anh Q được hưởng là 26,55m² được chia đều cho ba mẹ con chị H. Chị Y, ba mẹ con chị S và ba mẹ con chị H có trách nhiệm thanh toán lại cho chị O và anh Q số tiền tương ứng với giá trị phần diện tích đất được chia từ ký phần của anh Q và chị O như đã nêu trên.

HĐXX giao cho ba mẹ con chị H, anh TA và anh D phần diện tích đất = (26,55 m² (ký phần thừa kế được hưởng) + 132,25m² (bà Q tặng cho) + 26,55 m² (ký phần thừa kế của anh Q) = 185,35 m²), trên đất có các công trình và tài sản gắn liền trên đất, gồm: Ngôi nhà chính 03 gian mái ngói có giá trị: 13.447.000 đồng; Nhà 02 tầng liền kề ngôi nhà chính nêu trên (về phía Tây thửa đất) có giá trị: 114.407.000 đồng; Nhà tạm liền kề với ngôi nhà chính nêu trên (về phía Đông thửa đất) có giá trị: 4.881.000 đồng; Khu phụ (bếp + WC + nhà tắm) có giá trị: 5.984.000 đồng; Bể nước liền kề khu phụ nêu trên có giá trị: 334.000 đồng; Tường rào về phía Đông thửa đất có giá trị: 3.050.000 đồng; Cổng nhà có giá trị: 653.000 đồng; Sân lát gạch có giá trị: 3.950.000 đồng;

HĐXX giao cho ba mẹ con chị S, chị H1 và chị H2 phần diện tích đất = (26,55 m² (ký phần thừa kế được hưởng) + 30,15 m² (bà Q tặng cho) + 16,55 m² (một phần ký phần thừa kế của chị O) = 73,25m²), trên đó có công trình và tài sản gắn liền trên đất, gồm: Ngôi nhà chính có giá trị: 25.174.000 đồng; Nhà 01 tầng (phía sau ngôi nhà chính) có giá trị: 8.724.000 đồng; Sân bê tông có giá trị: 178.000 đồng; Mái vẩy có giá trị: 210.000 đồng; Tường rào kết hợp cổng hoa sắt có giá trị: 637.000đồng.

HĐXX giao cho chị Nguyễn Thị Hồng Y phần diện tích đất = (26,55 m² (ký phần thừa kế được hưởng) + 23,45 m² (bà Q tặng cho) + 10 m² (một phần ký phần thừa kế của chị O) = 60 m²).

Chị Nguyễn Thị Y có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị O phần giá trị diện tích kỷ phần thừa kế chị O được hưởng chia cho chị Y là: $10\text{m}^2 \times 16.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 160.000.000\text{đồng}$;

Ba mẹ con chị O cùng có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị O phần giá trị diện tích kỷ phần thừa kế chị O được hưởng chia cho ba mẹ con chị S là: $16,55\text{m}^2 \times 16.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 264.800.000\text{đồng}$ (phần chị S, chị H1 và chị H2 phải thanh toán lại cho chị O là bằng nhau và bằng $264.800.000\text{đồng}/3 = 88.267.000\text{đồng}$);

Ba mẹ con chị H cùng có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Nguyễn Văn Q phần giá trị diện tích kỷ phần thừa kế anh Q được hưởng chia cho ba mẹ con chị H là: $26,55\text{m}^2 \times 16.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 424.800.000\text{đồng}$ (phần chị H, anh D và anh TA phải thanh toán lại cho anh Q là bằng nhau và bằng $424.800.000\text{đồng}/3 = 141.600.000\text{đồng}$);

Hiện nay, trên thửa đất đang tranh chấp trong vụ án có bà bà Q, chị H, chị S, anh TA, anh D, chị H1 và chị H2 đang trực tiếp sinh sống, có đăng ký thường trú trên đó, do đó, những người có tên nêu trên có trách nhiệm dọn dẹp đồ đạc để bàn giao diện tích đất cho chị Y được chia theo bản án này.

[3] *Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản*: chị H thay bà Q đã nộp chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản và không có ý kiến gì nên HĐXX không đặt ra giải Quyết.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Q là người cao tuổi nên được miễn án phí; Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự tương ứng với kỷ phần giá trị tài sản mà mình được hưởng, tuy NH mẹ con chị H, mẹ con chị S và chị Y đều có hoàn cảnh kinh tế vô cùng khó khăn và đều có đơn xin miễn giảm nộp tiền án phí, nên HĐXX miễn giảm 50% án phí theo Q định pháp luật.

[5] *Về Quyền kháng cáo*: Các đương sự được Quyền kháng cáo theo Q định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUẾT ĐỊNH:

□p dụng khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 146; 147; 228; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; các Điều 158, 166, 189, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649,

650, 651, 655 và Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[II] Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị Q.

1- Xác định Quyền sử dụng thửa đất số 340, tờ bản đồ số 12 (diện tích đo đạc hiện trạng là 318,6m²), tọa lạc tại thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội, theo GCNQSDĐ số seri A 935373 do UBND huyện UH cấp ngày 20/8/1992 cho ông Nguyễn Gia Bích là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Gia Bích, bà Lê Thị Q. Phần sử dụng riêng của bà Q trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Bích là Quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 340 nêu trên là 159,3m².

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q tặng cho lại Quyền sử dụng 23,45m² cho con gái là Nguyễn Thị Hồng Y; tặng cho lại Quyền sử dụng 30,15m² cho chị Đặng Thị S, chị Nguyễn Thị Thanh H1 và chị Nguyễn Thị H2; tặng cho lại Quyền sử dụng 105,7m² cùng ký phần thừa kế bà được hưởng từ ông Bích (26,55m²) cho chị Tường Thị H, anh Nguyễn TA và anh Nguyễn Gia D.

2- Xác định Quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích (159,3m²) thửa đất số 340, tờ bản đồ số 12 (diện tích đo đạc hiện trạng là 318,6m²), tọa lạc tại thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội, theo GCNQSDĐ số seri A 935373 do UBND huyện UH cấp ngày 20/8/1992 cho ông Nguyễn Gia Bích là di sản thừa kế của ông Nguyễn Gia Bích để lại. Ông Bích chết không để lại di chúc.

3- Xác định hàng thừa kế của ông Nguyễn Gia Bích gồm có: bà Lê Thị Q; anh Nguyễn Văn Q; chị Nguyễn Thị O; chị Nguyễn Thị Hồng Y; anh Nguyễn TA và anh Nguyễn Gia D là thừa kế thế vị của ông Bích đối với ký phần anh Nguyễn Gia Vinh được hưởng; chị Đặng Thị S, chị Nguyễn Thị Thanh H1 và chị Nguyễn Thị H2 là thừa kế chuyển tiếp của ông Bích đối với ký phần anh Nguyễn Gia Hiền được hưởng.

[III] Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Gia Bích, là diện tích 159,3m² (theo đo hiện trạng) nằm trong thửa đất số 304, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại thôn HX, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội, theo GCNQSDĐ số seri A 935373 do UBND huyện UH cấp ngày 20/8/1992 cho ông Nguyễn Gia Bích, kết hợp với nguyện vọng tặng cho đất của bà Q như nêu tại mục 1 của phần I Quyết định này.

Cụ thể:

1/ Ba mẹ con chị Tường Thị H, anh Nguyễn TA và anh Nguyễn Gia D được đồng sử dụng diện tích đất 185,35m² (theo số liệu đo hiện trạng) trong thửa đất số 304 nêu trên. Được giới hạn bởi các điểm từ 1-2-3-10.

2/ Ba mẹ con chị Đặng Thị S, chị Nguyễn Thị Thanh H1 và chị Nguyễn Thị H2 được đồng sử dụng diện tích đất 73,25m² (theo số liệu đo hiện trạng) trong thửa đất số 304 nêu trên. Được giới hạn bởi các điểm từ 4-5-6-7.

3/ Chị Nguyễn Thị Hồng Y được sử dụng diện tích đất 60m² (theo số liệu đo hiện trạng) trong thửa đất số 304 nêu trên. Được giới hạn bởi các điểm từ 3-4-7-8-9-10.

(Kèm theo bản án này có sơ đồ, bảng kê tọa độ phân chia xác định giới hạn bởi các cạnh, điểm vị trí diện tích đất của từng phần được chia).

5/ Buộc chị Tường Thị H cùng anh Nguyễn Gia D và anh Nguyễn TA cùng có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn Q tổng số tiền 424.800.000đồng (*bốn trăm hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn*); (phần chị H, anh D và anh TA phải thanh toán lại cho anh Q là bằng nhau và bằng $424.800.000\text{đồng}/3 = 141.600.000\text{đồng}$ (*Một trăm bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*)).

6/ Buộc chị Đặng Thị S cùng chị Nguyễn Thị Thanh H1 và chị Nguyễn Thị H2 cùng có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị O tổng số tiền 264.800.000đồng (*Hai trăm sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng chẵn*); (phần chị S, chị H2 và chị H1 phải thanh toán lại cho chị O là bằng nhau và bằng $264.800.000\text{đồng}/3 = 88.267.000\text{đồng}$ (*Tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng chẵn*)).

7/ Buộc chị Nguyễn Thị Hồng Y có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị O tổng số tiền 160.000.000đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*);

** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất Q định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

8/ Chị Tường Thị H, chị Đặng Thị S, anh Nguyễn TA, anh Nguyễn Gia D, chị Nguyễn Thị Thanh H1 và chị Nguyễn Thị H2 đều có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, phụng dưỡng bà Lê Thị Q lúc già yếu. Ba mẹ con chị Tường Thị H, anh Nguyễn TA và anh Nguyễn Gia D có trách nhiệm lo mai táng cho bà Q khi chết; lo giỗ, tết cho ông Bích, bà Q và tổ tiên.

9/ Trong thời hạn 30 ngày - kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, buộc bà Lê Thị Q, chị Tường Thị H, chị Đặng Thị S, anh Nguyễn TA, anh Nguyễn Gia D, chị Nguyễn Thị Thanh H1 và chị Nguyễn Thị H2 cùng có trách nhiệm di chuyển, dọn toàn bộ đồ đạc của mình để bàn giao lại toàn bộ diện tích đất cho chị Nguyễn Thị Hồng Y được chia như đã nêu trên.

10/ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Tường Thị H, anh Nguyễn TA, anh Nguyễn Gia D, chị Đặng Thị S, chị Nguyễn Thị Thanh H1, chị Nguyễn Thị H2 và

chị Nguyễn Thị Hồng Y đều có Quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký Quyền sử dụng đất để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia như trên theo Q định của pháp luật về quản lý đất đai.

[III] Về án phí dân sự sơ thẩm và Quyền kháng cáo:

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Tường Thị H, anh Nguyễn TA, anh Nguyễn Gia D, mỗi người phải chịu số tiền 15.219.000đồng án phí DSST;

- Buộc chị Đặng Thị S, chị Nguyễn Thị Thanh H1, chị Nguyễn Thị H2, mỗi người phải chịu số tiền 7.860.000đồng án phí DSST;

- Buộc chị Nguyễn Thị Hồng Y phải chịu số tiền 20.400.000đồng án phí DSST;

- Buộc chị Nguyễn Thị O phải chịu số tiền 20.992.000đồng án phí DSST;

- Buộc anh Nguyễn Văn Q phải chịu số tiền 20.992.000đồng án phí DSST;

* Về Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có Quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có Quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Quyền kháng cáo bản án về vấn đề trực tiếp liên quan đến Quyền lợi của mình.

Trong trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Q định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quyền thoả thuận thi hành, Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS huyện UH;
- UBND TT. VD;
- Các đương sự;
- Lưu h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TOÀN**

Nguyễn Thành Trung